

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần hội đồng xét xử:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hồng;

Các Thẩm phán : Ông Lê Trí Cường;

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa : Bà Đinh Thúy Hương- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan -Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 88/2020/TLPT- HN&GD ngày 29 tháng 4 năm 2020. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 94/2020/HN&GD-ST ngày 23/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 102/2020/QĐPT- HN&GD ngày 14 /5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn K, xã P, huyện M, Thành phố Hà Nội.

Hiện cư trú tại: Thôn LĐ, xã LĐ, huyện M, TP Hà Nội.

Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1986;

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: thôn K, xã P, huyện M, Thành phố Hà Nội

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với anh Lê Văn C năm 2016 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LĐ, huyện M, Thành phố

Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà anh C tại thôn K, xã P, huyện M, Thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống và không chia sẻ được với nhau. Chị muốn vợ chồng chuyển ra ở gần khu vực thị trấn Chúc Sơn sinh sống để tiện sinh hoạt và làm việc nhưng anh C không đồng ý mà muốn vợ chồng sống cùng gia đình anh C tại xã P. Vợ chồng đã có thời gian thuê nhà tại thị trấn Chúc Sơn để chị có thể vừa đi làm vừa chăm sóc con chung. Đến đầu năm 2020, do bất đồng quan điểm sống và cách chăm sóc con chung nên anh C đã về quê tại xã P, huyện M sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Hà P, sinh ngày 01/01/2017. Cháu P hiện ở cùng anh C. Ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P vì cháu còn nhỏ, lại là con gái. Chị đang làm công chức nhà nước, thu nhập ổn định 7.500.000 đồng/tháng. Chị hiện đang ở tại nhà bố mẹ đẻ tại xã LĐ, huyện M nên đủ điều kiện cho cháu sinh hoạt và cũng tiện cho anh C thăm nom con chung vì anh C hiện đang công tác tại thị trấn Chúc Sơn. Nếu được nuôi con, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Bị đơn anh Lê Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Về thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống sau khi kết hôn đúng như chị Nguyễn Thị T trình bày. Theo anh C, trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống và không thể hòa hợp nên thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn, anh nhận thấy không còn tình cảm với chị T nên anh đồng ý ly hôn để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Hà P, sinh ngày 01/01/2017. Hiện tại cháu P đang ở với anh. Ly hôn, anh có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hiện anh đang làm công chức nhà nước, thu nhập ổn định trên 8.000.000 đồng/tháng và có nhà cửa rộng rãi, đủ điều kiện cho cháu sinh hoạt. Theo anh C, chị T đang gặp khó khăn trong công việc nên sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống và kinh tế, ngoài ra chị T hiện không có đất nên ly hôn sẽ phải thuê nhà hoặc ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, ảnh hưởng đến sinh hoạt của cháu. Ngoài ra, trong thời gian chung sống và khi ly thân, chị T chưa quan tâm thăm nom con chung chu đáo bằng anh, khi đưa cháu về bà ngoại thì giao hết việc chăm con cho bà ngoại. Nếu được nuôi con, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung và cam kết bảo đảm quyền đi lại, thăm nom con chung của chị T.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Anh chị đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án sơ thẩm số 94/2020/HNGĐ-ST ngày 23/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, Hà Nội đã quyết định: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn C. Giao cháu Lê Hà P, sinh ngày 01/01/2017 là con chung của anh chị cho anh Lê Văn C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Lê Hà P đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T cho đến khi các bên có yêu cầu. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 26 tháng 3 năm 2020 nguyên đơn chị Nguyễn Thị T làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về phần con chung với lý do chị hoàn toàn có đủ điều kiện về việc làm thu nhập và chỗ ở và con chị còn nhỏ lại là con gái, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần con chung, cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hà P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị T không rút đơn khởi kiện và không rút yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị, cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung như lý do đã trình bày ở trên. Bị đơn anh C không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị T. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội kết luận tại phiên tòa: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ vào điều kiện nuôi con, hoàn cảnh thực tế và cháu P là con gái, còn nhỏ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, sửa án sơ thẩm, giao con chung là cháu Lê Hà P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh C cấp dưỡng nuôi con cho chị T với mức 2.000.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2] Xét về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng:

Hội đồng xét xử xét: Chị Nguyễn Thị T, anh Lê Văn C kết hôn năm 2016, anh chị có 01 con chung là cháu Lê Hà P, sinh ngày 01/01/2017. Hiện cháu Lê Hà P đang sống cùng anh C và gia đình anh C. Ly hôn, chị T và anh C đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Lê Hà P và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đây là nguyện vọng chính đáng của cha mẹ, tuy nhiên khi giao con cho ai trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng thì cần phải xem xét đến mọi mặt để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu bé.

Xét thấy: Chị T, anh C đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Hà P. Tuy nhiên, cháu Lê Hà P là con gái còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc tỷ mỉ và gần gũi của người mẹ. Hơn nữa chị T có công việc và ở nhà cùng ông bà ngoại, gần nơi làm việc của cả hai anh chị nên cũng rất thuận tiện cho việc đưa đón và thăm nom chăm sóc con chung. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu bé, Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa án sơ thẩm giao cháu P cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp thực tế và có căn cứ pháp luật.

Anh C có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh C có ý kiến nếu chị T được nuôi con, anh tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, chị T cũng đồng ý nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của anh C.

Các nội dung khác không có kháng cáo kháng nghị được giữ nguyên và có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của chị T được chấp nhận nên chị T không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm số 94/2020/HNGĐ-ST ngày 23/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn C.

2. Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn C có 01 con chung là cháu Lê Hà P, sinh ngày 01/01/2017. Giao cháu Lê Hà P, cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Lê Hà P đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác. Anh C có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/ tháng cho chị T kể từ tháng 6/2020 đến khi cháu P tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu **300.000** đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chị Nguyễn Thị T đã nộp **300.000** đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004598 ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M, Thành phố Hà Nội. Hoàn trả cho chị T 300.000 đồng án phí phúc thẩm chị T đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số AA/2015/0004679 ngày 16 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2020.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện M;
- UBND xã LĐ, huyện M;
- Chi cục thi hành án huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thu Hồng

